TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 08-01-2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Hận

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Hoàng H trình bày:* Ngày 04/12/2018 ông T, bà T có làm giấy cầm quyền sử dụng đất cho ông để vay số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,2 %/tháng, thời hạn vay là 24 tháng, tính từ ngày 04/12/2018. Ông T và bà Tiền thế chấp 02 thửa đất và một ngôi nhà thuộc thửa số 624, diện tích 717,0m^2, thửa số 585 diện tích 1.212m^2, thuộc tờ bản đồ số 10. Theo thỏa thuận ông T, bà T đóng

lãi 03 tháng một lần nếu ông T, bà T không đóng lãi thì tài sản gồm nhà, đất thuộc quyền sử dụng của ông. Ngày 05/12/2018 ông với ông T, bà T có làm hợp đồng vay tài sản cố thế chấp hai thửa đất trên và được Văn phòng công chứng Trần Mai Hương chứng thực. Sau khi nhận tiền vay ông T, bà T đã đóng lãi cho ông được 03 tháng (từ ngày 4/12/2018 đến ngày 04/3/2019) với số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ ông 4.000.000 đồng. Từ ngày 05/3/2019 đến khi nộp đơn là ngày 21/10/2019 là 07 tháng ông T, bà T không đóng lãi cho ông. Như vậy ông T, bà T còn nợ tiền lãi của ông 07 tháng x 18.000.000 đồng/tháng = 126.000.000 đồng, cộng tiền nợ lãi trước đó 4.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T trả cho ông số tiền vay 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 130.000.000 đồng.

* Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Bích T, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng với giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trần Hoàng H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Bích T trả tiền vay. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông T, bà T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà T theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa ông H yêu cầu ông T, bà T trả cho ông số tiền vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 130.000.000 đồng. Xét thấy, ông H với ông T, bà T có xác lập việc vay tiền với nhau là có thật, được thể hiện tại hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2018. Việc xác lập hợp đồng vay tiền là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được sự chứng nhận của công chứng viên thuộc văn phòng công chứng Trần Mai Hương. Mặt khác, ông T, bà T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông T, bà T để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T, bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông H, điều này cho thấy ông T, bà T trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu ông T, bà T trả số tiền vốn 1.500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 1,2%/tháng, thời gian 07 tháng, với số tiền lãi là 124.000.000 đồng và số tiền nợ lãi 4.000.000 đồng. Xét thấy, mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận là phù hợp, không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản

1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó buộc ông T, bà T trả cho ông H tổng số tiền lãi là 130.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch ông T và bà Tiền phải chịu 60.900.000 đồng. Ông H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng H đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Bích T về việc trả tiền vay và tiền lãi.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Bích T trả cho ông Trần Hoàng H số tiền vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Bích T phải nộp 60.900.000 đồng. Ngày 22 tháng 10 năm 2019 ông Trần Hoàng H đã nộp số tiền 30.450.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004645 được nhận lại khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông Trần Hoàng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Hận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.